TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 178 /2019/DS-PT
Ngày 04 – 7 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và đòi lại đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Ông Phạm Việt Trung

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hứa Như Nguyện Là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và đòi lại đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 149/2019/QĐPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1937.
Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà C: Anh Phan Văn D, sinh năm 1979 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện U, tỉnh C . (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1956 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện U, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phan Văn D, sinh năm 1979 (Có mặt).

2. Chị Phan Kim T2, sinh năm 1980.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị T2: Anh Phan Văn D (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019)

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện U, tỉnh C ..

3. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện U, tỉnh C .

4. Trường Tiểu học Nguyên Văn Tố (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện U, tỉnh C ..

5. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện U Minh

Địa chỉ: Khóm 3, thị tấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn Nhe là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị C là anh Phan Văn D trình bày:*

Vào khoảng năm 1994, bà C có cho ông Nguyễn Hoàng N mượn một phần đất cất nhà ở cạnh trường học Nguyễn Văn Tố. Trong thời gian ở trên đất phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà C khởi kiện yêu cầu ông N và vợ là bà Lê Thị T1 di dời toàn bộ nhà cửa, cây trồng để trả lại cho bà C diện tích đất 687,6 m^2. Phần đất có vị trí: Phía Đông giáp đất bà Lê Thị C dài 19,1 mét; phía Tây giáp đất bà Lê Thị C dài 19,1 mét; phía Nam giáp đất bà C dài 36 mét; phía bắc giáp Trường tiểu học Nguyễn Văn Tố dài 36 mét, phần đất do bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà C đồng ý hỗ trợ cho ông N, bà T1 di dời nhà cửa, cây trồng với số tiền 5.000.000 đồng.

- *Ông Nguyễn Hoàng N trình bày:*

Phần đất bà C yêu cầu ông N và bà T1 trả lại là bà C cho ông N do thời gian rất lâu nên không nhớ rõ năm nào, ông N đã sử dụng phần đất này và đã cất nhà, trồng cây. Đến năm 2003, bà C mới làm giấy tay cho ông N phần đất này. Lúc cho đất hiện trạng đất sậy, ngập nước, khi về ở vợ chồng ông N, bà T1 cuốn nền đổ đất, cát cải tạo thêm chi phí khoảng 30.000.000đồng.

Trên phần đất tranh chấp bà T1 và ông N có cất nhà:

- 01 căn nhà kích thước 3,6 mét x 14, 6 mét = 52,56 m^2 , khung sườn bằng cây gỗ địa phương, nền láng xi măng, mái lá, vách xây tường lững + gỗ.

- 01 căn nhà kích thước 2,6 mét x 4,5 mét = 11,7 m^2 , khung sườn bằng cây gỗ địa phương, nền xi măng, mái lợp tôn thiếc, vách thiếc.

- 01 nền xi măng có kích thước 4,5 mét dài 11, 4 mét = 51,3 m^2

- Hiện tại trên đất còn có 01 bụi tre mạnh tông, 06 bụi chuối, 12 cây mai, 01 cây thần kỳ, 01 cây Dừa.

Bà T1 và ông N đồng ý trả lại diện tích đất cho bà C, nhưng bà C phải hoàn trả lại cho ông bà tương đương giá trị đất, nhà cửa, cây trồng mà ông bà bồi đắp tăng giá trị đất với số tiền 100.000.000 đồng.

- Tại văn bản số 16/NHNN-UM ngày 01/12/2017 và tại văn bản số 27/NHNN-UM ngày 25 tháng 4 năm 2019 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện U Minh trình bày:

Bà Lê Thị C có ủy quyền cho anh Phan Văn D vay tại Ngân hàng số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi chưa thanh toán và đã quá hạn nên yêu cầu anh D trả đủ tiền gốc và lãi. Ngày 25/4/2019 Ngân hàng xác định hiện tại anh D đã thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng từ chối tham gia tố tụng, xin vắng mặt tại phiên tòa với tư cách là người có quyền lợi và nghĩ vụ liên quan trong vụ án.

- Đại diện Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tố trình bày:

Toàn bộ phần đất của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tố quản lý, xây dựng được bà Lê Thị C hiến đất, các tài sản của trường không nằm trong phần đất tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:14/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 trả lại đất.

Buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 trả cho bà Lê Thị C diện tích đất 687,6 m^2, một phần thửa 097, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 6, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau do bà C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có kích thước vị trí như sau:

+ Phía Đông giáp đất bà Lê Thị C dài 19,1 mét,

+ Phía Tây giáp đất bà Lê Thị C dài 19,1 mét,

+ Phía Nam giáp đất bà Lê Thị C dài 36 mét,

+ Phía Bắc giáp Trường tiểu học Nguyễn Văn Tố dài 36 mét.

- Buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 tháo dở, di dời khỏi phần đất tranh chấp:

01 (một) căn nhà có kích thước 3,6 mét, dài 14,6 mét, diện tích 52,56 m^2, khung sườn bằng cây gỗ địa phương, nền tráng xi măng, mái lá, vách xây tường lững + gỗ; 01 (một) căn nhà có kích thước 2,6 mét, dài 4,5 mét, diện tích 11,7 m^2, khung sườn bằng cây gỗ địa phương, nền tráng xi măng, mái lợp tôn thiếc, vách thiếc.

12 (mười hai) cây mai; 01 (một) cây Thần kỳ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị C hỗ trợ cho ông Nguyễn Hoàng N, bà Lê Thị T1 di dời nhà cửa, cây trồng số tiền 5.000.000 đ (Năm triệu đồng).

Giao cho bà Lê Thị C quản lý, sử dụng 01 (một) nền xi măng có kích thước 4,5 mét x 11,4 mét = 51,3 m^2 ; 01 (một) bụi tre mạnh tông; 06 (sáu) bụi chuối; 01 (một) cây Dừa cho trái.

Buộc bà Lê Thị C hoàn lại giá trị cho ông Nguyễn Hoàng N, bà Lê Thị T1 01 (một) nền xi măng có kích thước 4,5 mét x 11,4 mét = 51,3 m^2 ; 01 (một) bụi tre mạnh tông; 06 (sáu) bụi chuối; 01 (một) cây Dừa cho trái với số tiền 8.395.000đ (tám triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Lê Thị C hoàn lại cho ông Nguyễn Hoàng N, bà Lê Thị T1 chi phí đầu tư, san lắp nâng giá trị đất với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện U Minh yêu cầu anh Phan Văn D trả tiền vay.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc thẩm định giá, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày10/5/2019 ông Nguyễn Hoàng N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử buộc bà Lê Thị C bồi hoàn cho ông N toàn bộ giá trị hai căn nhà trên đất số tiền 45.000.000 đồng, ông N giao lại hai căn nhà cho bà C quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Hoàng N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất tranh chấp diện tích theo đo đạc thực tế diện tích 687,6 m^2 tọa lạc tại ấp 6, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau có nguồn gốc là của bà Lê Thị C thuộc một phần thửa 097, tờ bản đồ số 08 do bà C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1995, tổng diện tích 23.100 m^2 .

[2] Bà C cho rằng phần đất này bà C cho ông N mượn cất nhà ở vào năm 1994, nên yêu cầu vợ chồng ông N và bà T1 trả lại đất. Ông N và bà T1 cho rằng phần đất tranh chấp bà C đã cho ông N, ông N và bà T1 đồng ý trả đất lại cho bà C nhưng bà C phải hoàn trả lại cho ông bà giá trị đất, nhà cửa, cây trồng với số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà C, buộc ông N và bà T1 trả lại đất, tháo dỡ nhà, di dời cây trồng trên đất để trả lại đất cho bà C; buộc bà C bồi hoàn lại cho ông N và bà T1 giá trị công trình, cây trồng trên đất, chi phí san lấp, chi phí di dời tổng số tiền bằng 43.395.000 đồng. Bà C, anh D, chị T2 và bà T1 không có kháng cáo; riêng ông N có kháng cáo yêu cầu buộc bà C bồi hoàn cho ông toàn bộ giá trị hai căn nhà bằng 45.000.000 đồng, gia đình ông giao lại hai căn nhà cho bà C quản lý sử dụng.

[3] Theo thẩm định thực tế trên phần đất tranh chấp có 02 căn nhà của ông N và bà T1 gồm: 01 căn nhà kích thước ngang 3,6m, dài 14,6m, diện tích 52,56m2, khung sườn bằng cây gỗ địa phương, nền tráng xi măng, mái lá, vách xây tường lững + gỗ; 01 căn nhà kích thước ngang 2,6m, dài 4,5m, diện tích 11,7m2, khung sườn bằng cây gỗ địa phương, nền tráng xi măng, mái lợp tôn thiếc, vách thiếc. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu định giá tài sản, tuy nhiên theo biên bản định giá tài sản ngày 20/5/2014 giá trị 02 căn nhà bằng 31.598.000đồng, nên việc ông N cho rằng giá trị 02 căn nhà bằng 45.000.000 đồng là không có cơ sở.

[4] Ngoài ra tại biên bản về việc xây dựng nhà ở ngày 17/6/2013 ông N trình bày: "Hiện nay căn nhà tôi sắp bị sập, tôi có mua một số vật liệu cất lại nhà để ở, nếu sau này các cấp có thẩm quyền giải quyết phần đất thuộc về ai tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm". Hơn nữa, hiện trạng 02 căn nhà của ông N trên phần đất cũng không phải là nhà kiên cố, khó di dời; phía bà C cũng không có nhu cầu sử dụng 02 căn nhà này, nên án sơ thẩm buộc ông N và bà T1 di dời 02 căn nhà trên phần đất để trả lại đất cho bà C là phù hợp. Do đó, kháng cáo của ông N không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Hoàng N phải chịu theo theo quy định pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C. Buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 trả cho bà C phần đất diện tích 687,6 m^2, thuộc một phần thửa 097, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 6, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau do bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có kích thước vị trí như sau:

+ Phía Đông giáp đất bà Lê Thị C dài 19,1 mét,

+ Phía Tây giáp đất bà Lê Thị C dài 19,1 mét,

+ Phía Nam giáp đất bà Lê Thị C dài 36 mét,

+ Phía Bắc giáp Trường tiểu học Nguyễn Văn Tố dài 36 mét.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 tháo dở, di dời khỏi phần đất tranh chấp: 01 (một) căn nhà có kích thước ngang 3,6 mét, dài 14,6 mét, diện tích 52,56 m^2, khung sườn bằng cây gỗ địa phương, nền tráng xi măng, mái lá, vách xây tường lững + gỗ; 01 (một) căn nhà có kích thước ngang 2,6 mét, dài 4,5 mét, diện tích 11,7 m^2 , khung sườn bằng cây gỗ địa phương, nền tráng xi măng, mái lợp tôn thiếc, vách thiếc; 12 (mười hai) cây mai; 01 (một) cây Thần kỳ để trả lại hiện trạng đất cho bà C.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị C hỗ trợ cho ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 di dời nhà cửa, cây trồng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Giao cho bà Lê Thị C quản lý, sử dụng 01 (một) nền xi măng có kích thước 4,5 mét x 11,4 mét = 51,3 m^2 ; 01 (một) bụi tre mạnh tông; 06 (sáu) bụi chuối; 01 (một) cây dừa cho trái trên phần đất.

- Buộc bà Lê Thị C hoàn lại giá trị cho ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 01 (một) nền xi măng có kích thước 4,5 mét x 11,4 mét = 51,3 m^2 ; 01 (một) bụi tre mạnh tông; 06 (sáu) bụi chuối; 01 (một) cây dừa cho trái với số tiền 8.395.000đ (tám triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và chi phí đầu tư, sang lấp nâng giá trị đất với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- Chi phí đo đạc đất, chi phí định giá: Buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 trả cho bà C số tiền là 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh yêu cầu anh Phan Văn D trả tiền vay.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Miễn toàn bộ án phí cho bà Lê Thị C, bà C đã nộp tiền tam ứng án phí số tiền 200.000 đồng theo biên lai số 007847 ngày 21/3/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

+ Ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng.

+ Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện U Minh số tiền tạm ứng án phí số là 2.850.000đ (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011975 ngày 18/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Hoàng N phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 10/5/2019 ông N đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004365 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập

Các thành viên Hội đồng xét xử

Bùi Thị Phương Loan - Phạm Việt Trung

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Lập

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30phút, ngày 04 tháng 7 năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Ông Phạm việt Trung

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 118/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và đòi lại đất giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1937.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà C: Anh Phan Văn D, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện U, tỉnh C . (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1956 .

Địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện U, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phan Văn D, sinh năm 1979 .

2. Chị Phan Kim T2, sinh năm 1980.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị T2: Anh Phan Văn D (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019)

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện U, tỉnh C ..

3. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1958 .

Địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện U, tỉnh C .

4. Trường Tiểu học Nguyên Văn Tố .

Địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện U, tỉnh C ..

5. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện U Minh

Địa chỉ: Khóm 3, thị tấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau .

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Kết quả biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoàng N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C. Buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 trả cho bà C phần đất diện tích 687,6 m^2, thuộc một phần thửa 097, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 6, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau do bà C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có kích thước vị trí như sau:

+ Phía Đông giáp đất bà Lê Thị C dài 19,1 mét,

+ Phía Tây giáp đất bà Lê Thị C dài 19,1 mét,

+ Phía Nam giáp đất bà Lê Thị C dài 36 mét,

+ Phía Bắc giáp Trường tiểu học Nguyễn Văn Tố dài 36 mét.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

- Buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 tháo dở, di dời khỏi phần đất tranh chấp: 01 (một) căn nhà có kích thước ngang 3,6 mét, dài 14,6 mét, diện tích 52,56 m^2, khung sườn bằng cây gỗ địa phương, nền tráng xi măng, mái lá, vách xây tường lững + gỗ; 01 (một) căn nhà có kích thước ngang 2,6 mét, dài 4,5 mét, diện tích 11,7 m^2 , khung sườn bằng cây gỗ địa phương, nền tráng xi măng, mái lợp tôn thiếc, vách thiếc; 12 (mười hai) cây mai; 01 (một) cây Thần kỳ để trả lại hiện trạng đất cho bà C.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị C hỗ trợ cho ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 di dời nhà cửa, cây trồng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Giao cho bà Lê Thị C quản lý, sử dụng 01 (một) nền xi măng có kích thước 4,5 mét x 11,4 mét = 51,3 m^2 ; 01 (một) bụi tre mạnh tông; 06 (sáu) bụi chuối; 01 (một) cây dừa cho trái trên phần đất.

- Buộc bà Lê Thị C hoàn lại giá trị cho ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 01 (một) nền xi măng có kích thước 4,5 mét x 11,4 mét = 51,3 m^2 ; 01 (một) bụi tre mạnh tông; 06 (sáu) bụi chuối; 01 (một) cây dừa cho trái với số tiền 8.395.000đ (tám triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và chi phí đầu tư, sang lấp nâng giá trị đất với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

- Chi phí đo đạc đất, chi phí định giá: Buộc ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 trả cho bà C số tiền là 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh yêu cầu anh Phan Văn D trả tiền vay.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Miễn toàn bộ án phí cho bà Lê Thị C, bà C đã nộp tiền tam ứng án phí số tiền 200.000 đồng theo biên lai số 007847 ngày 21/3/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại.

+ Ông Nguyễn Hoàng N và bà Lê Thị T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng.

+ Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện U Minh số tiền tạm ứng án phí số là 2.850.000đ (hai triệu tám trăm năm

mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011975 ngày 18/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông Nguyễn Hoàng N phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 10/5/2019 ông N đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004365 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 05 phút, ngày 04 tháng 7 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Phương Loan - Phạm Việt Trung **Nguyễn Thành Lập**